

Chính sách Dân tộc

&

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2013

1. Khái quát chung về huyện Sơn Dương

Huyện Sơn Dương là một huyện phía Nam của tỉnh Tuyên Quang, có diện tích đất tự nhiên là 78.813ha. Toàn huyện có 32 xã và 1 thị trấn với 424 thôn, tổ; trong đó, có 107 thôn đặc biệt khó khăn, 10 xã thuộc khu vực I; 16 xã khu vực II với 66 thôn đặc biệt khó khăn; 7 xã khu vực III với 41 thôn đặc biệt khó khăn.

Tổng dân số toàn huyện năm 2013 là 45.298 hộ với 185.794 khẩu gồm 19 dân tộc cùng chung sống, chủ yếu là dân tộc Sán Chay, Tày, Sán Dìu, Nùng, Dao... Trong đó, hộ đồng bào dân tộc thiểu số là 19.496 hộ với 84.207 khẩu, chiếm 43,5%. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn là 8.833 hộ với 33.549 khẩu, chiếm 19,49%; trong đó, có 5.599 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 63,4% tổng số hộ nghèo. Số hộ cận nghèo là 5.861 hộ, chiếm tỷ lệ 13,27%.

2. Tình hình thực hiện chính sách dân tộc năm 2013

* *Thực hiện chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng cho xã, thôn bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 23/1/2013 của UBND tỉnh:* Với tổng kinh phí 2.824,9 triệu

đồng, Ủy ban Nhân dân huyện đã kết hợp với Phòng Dân tộc thi công 7 công trình xây dựng đường giao thông nông thôn, 1 công trình xây dựng đường điện sinh hoạt, 1 công trình duy tu bảo dưỡng giao thông.

* *Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ:* Với tổng kinh phí thực hiện 2.836,17 triệu đồng, trong đó kinh phí mua giống đạt 777,76 triệu đồng, đã hỗ trợ cho 987 hộ; 4.108 khẩu nghèo năm 2013 và 112 hộ với 494 khẩu nghèo năm 2012 (khi chưa có quyết định thoát nghèo), cấp bằng tiền mặt trị giá 2.058,41 triệu đồng cho 6.280 hộ với 23.844 khẩu thuộc 24 xã của khu vực II.

* *Chính sách phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 4/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ:* Ủy ban Nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban Nhân dân các xã rà soát, lập kế hoạch, tổng hợp số hộ đặc biệt khó khăn có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất giai đoạn 2012 - 2015. Đồng thời, Ủy ban Nhân dân huyện cũng ban hành quyết định phê duyệt 1.005 hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tại 108 thôn, bản của 18 xã có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất giai đoạn 2012 - 2015.

* *Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ:* Để thực hiện tốt công tác thông tin truyền thông, đưa các nội dung

báo chí kịp thời về cơ sở thực hiện đảm bảo chính sách theo quy định, ngành Bưu chính Viễn thông căn cứ Quyết định 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã cấp được 78.648 báo, tạp chí các loại năm 2012 và đã cấp 19 loại báo, tạp chí với tổng 1.608 tờ trong 1 kỳ năm 2013.

* *Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về một số công tác ở vùng đồng bào dân tộc Hmông*: Thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ năm 2013, huyện đã cấp tiền hỗ trợ cho 67 hộ và 382 khẩu nghèo của thôn Tân An, xã Đông Thọ; thực hiện chính sách theo Nghị định số 62/2009/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, 100% hộ đồng bào Hmông được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định.

3. Đánh giá kết quả thực hiện

3.1. Ưu điểm

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị từ huyện đến cơ sở không ngừng quan tâm, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, chăm lo đời sống phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn huyện. Do đó, liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2013 về xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn, bản, xã đặc biệt khó khăn, thực hiện hoàn thành 100% khối lượng thi công, hồ sơ thanh quyết toán theo quy định; tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng đồng bào dân tộc

thiểu số đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo quy định.

3.2. Khó khăn, tồn tại

- Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số chưa thực sự bền vững; kinh tế hộ gia đình phát triển chậm; giải pháp hữu hiệu để giúp đồng bào thoát nghèo bền vững và từng bước vươn lên làm giàu còn lúng túng.

- Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được vay vốn để phát triển sản xuất còn ít, nhiều hộ chưa xây dựng được phương án sản xuất; do đó, hiệu quả sử dụng vốn vay chưa cao. Mức cho vay vốn để phát triển sản xuất còn thấp. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào còn chậm, chưa giải quyết dứt điểm được tình trạng thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Số đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề và được giải quyết việc làm còn rất ít, trình độ lao động còn hạn chế; trình độ nhận thức và trình độ học vấn của đồng bào chưa đồng đều nên việc tiếp thu các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chậm. Cán bộ làm công tác dân tộc từ huyện đến cơ sở phải kiêm nhiệm nên hạn chế trong quá trình tuyên truyền, vận động và nắm bắt tình hình cơ sở.

- Nguồn vốn đầu tư các công trình còn ít, nhỏ lẻ, năng lực một số nhà thầu còn hạn chế; ban quản lý công trình một số xã chưa chỉ đạo sâu sát, quyết liệt trong thi công, sự phối hợp của chủ đầu tư và đơn vị thi công còn lúng túng khiến việc hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu và quyết toán còn kéo dài.

Nguyễn Thẩm Thu Hà